



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 21 (từ 20/05/19 – 24/05/19)



ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này tăng so với tuần trước hiện đang ở mức 1.362 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 0,9 % lên mức 1.988,6 USD/tấn.

Brazil xuất khẩu 2,97 triệu bao cà phê trong tháng 4, đánh dấu tháng thứ 7 liên tiếp đạt mức tăng trưởng trong xuất khẩu.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.345,8 USD/tấn, giảm 1,2% so với tuần trước và thấp hơn 23,9% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.369 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.301 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.001,8 USD/tấn, tăng 0,7% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 24,5% so với cùng thời điểm năm 2018. Giá cao



nhất trong tuần đạt 2.050,3 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 1.962,1 USD/tấn. [1]

Tuần qua giá cà phê đã biến động trái chiều khi giá cà phê arabica tăng nhẹ còn cà phê robusta giảm nhẹ. Diễn biến này xuất hiện khi chứng khoán Mỹ tuần qua có dấu hiệu tăng mạnh trở lại sau khi chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump quyết định trì hoãn thời gian phạt Huawei thêm 3 tháng. Điều này đã kéo theo giá cả nhiều loại hàng hóa có tính thanh khoản cao, trong đó có cà phê. Khối lượng thương mại cho thấy nhà đầu tư trên sàn New York đã quay lại tăng vốn vào thị trường này trong khi nhà đầu tư trên sàn London vẫn còn đứng bên ngoài chờ đợi, nghe ngóng thêm.

Theo báo cáo thường niên mới nhất của Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp nước ngoài (FAS) trực thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nông dân trồng cà phê trên khắp Peru đang cân nhắc việc trồng lại những cây già hoặc bị bệnh trong bối cảnh chi phí trồng tương đối cao trong khi giá cà phê quốc tế thấp. Theo báo cáo này, nhiều trang trại cà phê nhỏ trên khắp Peru không phục hồi hoàn toàn sau sự bùng phát bệnh gỉ sắt trên cây cà phê, đỉnh điểm trong niên vụ 2013-2014. Từ đó đến nay, diện tích cà phê Peru không mấy thay đổi trong khi sản lượng có xu hướng giảm.

Hãng tư vấn – phân tích SAFRAS & Mercado của Brazil vừa công bố khảo sát đầu tiên về vụ thu hoạch trong niên vụ 2019/20. Sản lượng cà phê robusta thu hoạch tính đến ngày 14.05.2019 đạt 5,75 triệu bao, bằng xấp xỉ 10% sản lượng ước tính. Trong khi đó, vụ thu hoạch cà phê Arabica mới bắt đầu và đã thu hoạch được 4%, trong tổng số ước tính khoảng 40,7 triệu bao của niên vụ cà phê này.

Hiệp hội Cà phê Hạt (GCA) của Mỹ thông báo dự trữ tại các kho cảng đã tăng thêm 235.239 bao, tức tăng 3,85% trong tháng 4, lên mức 6.345.350 bao vào cuối tháng. Kết hợp với số cà phê đang được vận chuyển quá cảnh bằng container khắp Bắc Mỹ vào khoảng 1,1 triệu bao nữa, thì tổng tồn kho này đảm bảo cho nhu cầu rang xay của Mỹ và Canada khoảng 13 tuần, một con số dự trữ được cho là rất an toàn.



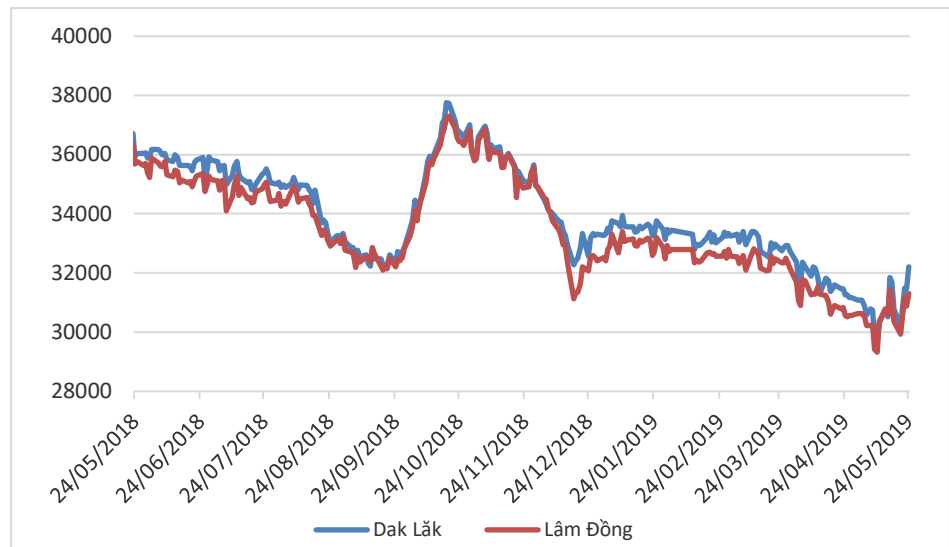
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục biến động tích cực trong tuần qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng 3% so với tuần trước lên mức 1.317 USD/tấn.

Giá cà phê ở mức thấp trong thời gian dài khiến đời sống người nông dân trồng cà phê gặp nhiều khó khăn.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này biến động nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 31.243 đồng/kg, tăng 130 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 13,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 95 đồng so với tuần trước, ở mức 30.760 đồng/kg và thấp hơn 13,6% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm 1,3% so với tuần trước xuống còn 1.301 USD/tấn và vẫn thấp hơn 19% so với cùng kỳ năm 2018. [5]

Tuần qua, giá cà phê trong nước biến động nhẹ khi giá cà phê tăng giảm tùy vùng. Những biến động về giá cả trong thời gian luôn theo chiều hướng bất lợi cho người làm cà phê khi chi phí đầu vào luôn tăng, còn ở chiều ngược lại, giá bán cà phê lại liên tục ở mức rất thấp. Nhiều vườn cà phê bị phá bỏ để trồng hồ tiêu, và khi giá hồ tiêu giảm mạnh thì người nông dân lại phá bỏ vườn cà phê, hồ tiêu để trồng sầu riêng, trồng bơ... Nhiều diện tích cà phê thoái hóa do cũng không được tái đầu tư đúng mức.

Ông Lê Viết Hùng, Tổng Giám đốc Simexco Đắk Lắk, nhà xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 Việt Nam cho biết, tình hình sản xuất - kinh doanh cà phê, nông sản chủ lực số 1 của khu vực đang



rất khó khăn vì giá liên tục xuống thấp. Khó khăn này cũng có nguyên nhân từ việc không kiểm soát được quy mô ngành hàng, các con số thống kê không theo kịp thực tế.

Sáng ngày 23/5/2019, tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) phối hợp với Diễn đàn Cà phê toàn cầu (GCP) tổ chức hội thảo Công bố kết quả thí điểm hệ thống thông tin mã số vùng trồng cà phê. Hệ thống thông tin mã số vùng trồng cà phê đã được triển khai thử nghiệm thu thập số liệu với hơn 8.500 hộ trồng cà phê với hơn 10.000 ha cà phê tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu, mã số vùng trồng này góp phần quan trọng trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	30.333	31.233	31.633	31.400	31.767	-300
Ea H'leo (xô vối)	30.333	30.967	31.567	31.633	31.667	-163
Krông Năng (xô vối)	30.033	30.633	31.333	31.367	32.433	367
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	30.600	31.500	31.900	31.700	32.100	-280
Ea H'leo (xô vối)	30.500	31.100	31.700	31.800	31.800	-200
Krông Năng (xô vối)	30.300	30.900	31.600	31.600	32.700	380
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	29.967	30.500	31.233	31.033	31.600	13
Di Linh (xô vối)	29.700	30.500	31.000	30.800	31.200	-20
Lâm Hà (xô vối)	30.100	30.700	31.200	30.800	31.100	-280
Đà Lạt (xô chè)	38.000	38.000	40.000	40.000	41.000	-400
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	30.467	31.000	31.733	31.533	32.700	-240
Di Linh (xô vối)	30.200	31.000	31.500	31.200	31.367	-107
Lâm Hà (xô vối)	30.500	30.900	31.467	31.200	31.400	-367
Đà Lạt (xô chè)	39.000	39.000	41.000	41.000	42.000	-400
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	30.000	30.650	31.200	31.250	31.500	200
Đắk R'lấp (xô vối)	30.133	30.867	31.433	31.400	31.633	-90
Đắk Song (xô vối)	30.250	30.950	31.550	31.375	31.500	-125
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	30.300	31.000	31.500	31.550	31.800	210
Đắk R'lấp (xô vối)	30.467	31.167	31.767	31.733	31.967	-73
Đắk Song (xô vối)	30.600	31.300	31.900	31.675	31.850	-125
Gia Lai						



<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	30.300	31.000	31.600	31.500	31.600	-60
Plei ku (xô vối)	30.333	30.967	31.600	31.533	31.700	-153
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	30.833	31.567	32.133	32.033	32.133	-120
Pleiku (xô vối)	30.900	31.533	32.067	32.067	32.233	-93
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	30.200	30.700	31.500	31.500	32.600	380
Đắk Hà (xô vối)	30.150	30.650	31.450	31.450	32.550	380
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	30.300	30.900	31.600	31.600	32.700	380
Đắk Hà (xô vối)	30.300	30.900	31.600	31.600	32.700	380

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

